

Bản án số: 163/2023/DS-PT
Ngày 25/7/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha

Bà Nguyễn Thị Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh KG xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thu H, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kh, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Phạm Hiền V, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Kh, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2020

Bị đơn: Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1966 (chết)

Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1975; (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Thanh H là:

- Chị Đặng Ngọc M, sinh năm 2000 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Cháu Đặng Ngọc X, sinh ngày 26/10/2009;

- Cháu Đặng Huỳnh H, sinh ngày 29/4/2012;

Cùng địa chỉ: ấp Tr, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho cháu X, cháu H là: Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1975 (mẹ).

Địa chỉ: ấp Tr, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu X, cháu H là: Luật sư Phạm Hữu Ph, sinh năm 1975, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 52 H, phường V, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kh, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Ph - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2020, bản tự khai và các biên bản hòa giải thông qua người đại diện nguyên đơn bà Châu Thu H trình bày:

Do quen biết và tin tưởng nhau nên trước đây mà H có cho vợ chồng ông H, bà Ph vay tiền nhiều lần với mục đích để đáo hạn ngân hàng và củng cố vốn kinh doanh. Đến ngày 15/02/2019 hai bên kết sổ, chốt nợ và xác định tổng số nợ mà bị đơn ông Đặng Thanh H và Bà Huỳnh Thị Ph đã nợ bà là 3.960.000.000đ (ba tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng) và ông H, bà Ph đã ký giấy mượn tiền đề ngày 15/02/2019 với cam kết sẽ trả đủ trong vòng 60 ngày kể từ ngày 15/02/2019 đến ngày 15/4/2019, hai bên thỏa thuận mức lãi phải chịu là 1,66%/tháng. Đến hạn trả nợ, do bị đơn ông H, bà Ph đã không thực hiện đúng cam kết nên bà H có tìm gặp đòi nợ nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy bà H khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện G yêu cầu giải quyết.

Do trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng Thanh H đã chết (theo giấy báo tử số 26 ngày 01/02/2021) nên người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Phạm Hiền V yêu cầu buộc bị đơn là bà Huỳnh Thị Ph cùng với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Thanh H gồm các con Đặng Ngọc M, Đặng Ngọc X, Đặng Huỳnh H trả cho nguyên đơn bà Châu Thu H số tiền gốc là 3.960.000.000đ (ba tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất thỏa thuận 1,66%/tháng kể từ ngày 15/02/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Đồng thời nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2021 và số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/8/2022 để đảm bảo thi hành án.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nguyên đơn bà Châu Thu H cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền đề ngày 15/02/2019 có chữ ký của ông H, bà Ph.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ph trình bày:

Bà Ph thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn bà Châu Thu H các lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày tháng năm bà Ph không nhớ, bà Ph có hỏi tiền góp của bà H số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận góp trong thời hạn 61 ngày, mỗi ngày bà Ph góp cho bà H 4.000.000đ (bốn triệu đồng) chứ không có nói lãi cụ thể bao nhiêu phần trăm, góp hết 61 ngày thì thôi. bà Ph đóng được bao nhiêu lần không nhớ rõ, do không có tiền đóng nên ngày 28/12/2019 âm lịch nhằm ngày 22/01/2020 sau khi đối chiếu sổ sách thì bà Ph còn nợ bà H vừa gốc vừa lãi số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng).

Lần thứ hai: Ngày tháng năm bà Ph không nhớ, bà Ph tiếp tục hỏi tiền góp của bà H số tiền gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận góp trong thời hạn 61 ngày, mỗi ngày bà Ph góp cho bà H 4.000.000đ (bốn triệu đồng) không nói lãi là bao nhiêu phần trăm góp hết 61 ngày thì thôi. bà Ph góp cho bà H bao nhiêu lần không nhớ, ngày tháng năm bà Ph cũng không nhớ bà Ph thừa nhận nợ bà H tiền gốc và lãi là 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng) hai bên chỉ nói miệng với nhau chứ không có làm giấy tờ gì. Sau khi chót nợ số tiền 310.000.000đ (ba trăm mười triệu đồng) thì bà Ph tiếp tục góp cho bà H bao nhiêu lần không nhớ chỉ nhớ số tiền đã góp được là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Như vậy lần vay thứ hai này bà Ph chỉ còn nợ bà H số tiền 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng).

Tổng cộng hai lần vay tiền của bà H, bà Ph thừa nhận còn nợ lại số tiền 580.000.000đ (năm trăm tám mươi triệu đồng)

Ngoài ra, bà Ph có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ mở ngày 04/3/2020 âm lịch. Dây hụi 10.000.000đ/tháng, có 25 người chơi, bà Ph tham gia 02 phần đóng được 04 lần số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Dây hụi này chưa kết thúc nhưng bà H không cho bà Ph tham gia tiếp nhưng không nói rõ lý do và không cho bà Ph đóng tiếp tiền hụi. Như vậy, bà H còn nợ bà Ph lại tiền đóng hụi là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng). Số tiền này bà Ph xin được cân trừ qua số tiền 580.000.000đ (năm trăm tám mươi triệu đồng) mà bà Ph đã vay của bà H trước đó như đã nêu trên.

Bà Ph thừa nhận chữ ký và chữ viết phía dưới “Bên B” trong giấy mượn tiền ngày 15/02/2019 là của vợ chồng bà Ph (bút lục 29, 30). Nhưng bà Ph cho rằng vợ

chồng bà chỉ ký trong sổ hui chứ không phải là ký trong giấy mượn tiền ngày 15/2/2019, ai là người viết giấy mượn tiền này thì bà Ph không biết.

Mục đích bà Ph vay tiền của bà H là để kinh doanh xăng, dầu chứ không phải đáo hạn ngân hàng. bà Ph thừa nhận hiện nay còn nợ bà H số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến khi dứt nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Kh vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai giống với lời trình bày của vợ là bà Châu Thu H.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đặng Thanh H là: Chị Đặng Ngọc M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai như sau: Việc tranh chấp giữa cha mẹ của chị với bà Châu Thu H chị không biết gì. chị M không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Thu H.

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Ph và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Thanh H là chị Đặng Ngọc M, cháu Đặng Ngọc X và cháu Đặng Huỳnh H (trong đó cháu X, cháu H do bà Ph đại diện theo pháp luật) phải trả cho nguyên đơn bà Châu Thu H số tiền **6.807.108.000đ** (Sáu tỷ tám trăm lẻ bảy triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng). Riêng chị M, cháu X, cháu H chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Đặng Thanh H để lại mà mình được nhận.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2021 và Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G về áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Theo đơn kháng cáo ngày 06/10/2022 của bị đơn bà Huỳnh Thị Ph đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G theo hướng buộc bà Trần Thị Ph trả cho bà Châu Thu H số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện G. Luật sư Ph tranh luận cho rằng: Bên nguyên đơn đòi nợ, nhưng các lần vay tiền như thế nào thì chưa rõ, tiền nợ hui là bao nhiêu, nhưng không cung cấp được các giấy tờ mượn tiền và sổ hui theo dõi nợ cho Tòa án. Các bên giao dịch vay mượn tiền rất lớn nhưng có nhiều điểm nghi vấn, phía bà Ph không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy mượn tiền, chỉ ký trong cuốn sổ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Ph.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Ph, sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, bị đơn; ý kiến của Luật sư trợ giúp pháp lý, đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo có đơn xin vắng mặt, vắng mặt hai lần không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Ph, Hội đồng xét xử căn cứ biên nhận nợ giấy mượn tiền ngày 15/02/2019 thể hiện việc ông H, bà Ph vay tiền bà H số tiền 3.960.000.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng, thời hạn vay 60 ngày. Phía ông H, bà Ph không thừa nhận số tiền nợ nêu trên, mà chỉ thừa nhận số tiền nợ 500.000.000 đồng, đồng thời bà Ph có lời khai thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong giất nhận nợ ngày 15/02/2019 là của vợ chồng bà (bút lục 29,30) nhưng cho rằng chỉ ký vào sổ nợ của bà H chứ không ký vào giấy mượn tiền, đây là do bà H

cắt ghép chữ viết và chữ ký của vợ chồng bà, nên bà Ph yêu cầu trung cầu cơ quan giám định. Tại văn bản kết luận giám định số 740/KL-KTHS ngày 06/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận: chữ ký mang tên Đặng Thanh H và chữ viết ghi họ tên " Đặng Thanh H"; chữ ký dạng viết "PH" mang tên Huỳnh Thị Ph và chữ viết ghi họ tên" Huỳnh Thị Ph" dưới mục" Bên B" trên mẫu cần giám định A không bị cắt ghép, bà Ph cũng không yêu cầu cơ quan giám định cấp cao giám định lại, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định giấy mượn tiền ngày 15/02/2019 là chứng cứ để giải quyết vụ kiện là hoàn toàn phù hợp khoản 2 Điều 92; Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Phía bà Ph cho rằng chỉ nợ bà H 500.000.000 đồng nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi lời trình bày trong bản tự khai của ông H, bà Ph ngày 11/01/2021 (bút lục 21), lời khai của bà Ph ngày 10/6, 16/6/2021 (bút lục 29, 30), bản tự khai của bà Ph ngày 07/12/2021 (bút lục 103) cho rằng đã chi trả số tiền lớn hơn số tiền vay mượn của bà H, như vậy lời khai của bà Ph có những điểm khác nhau mà tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Ph không đưa ra được chứng cứ gì mới để chứng minh cho lời trình bày của mình. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh, thì bà Ph không thực hiện được. Phía bà Ph tiếp tục yêu cầu Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh giám định giấy mượn tiền ngày 15/02/2019 cho rằng bị cắt ghép chữ ký và chữ viết tên vợ chồng bà, tại bản kết luận số 1787/KL-KTHS ngày 11/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thể hiện giấy mượn tiền không bị cắt ghép. Việc Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Ph cho rằng phía bà H cung cấp giấy mượn tiền với số tiền lớn không có ai chứng kiến và không thể hiện được việc giao nhận tiền, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thừa nhận nợ của bà Ph là không phù hợp quy định của pháp luật về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh. Do đó, nội dung kháng cáo của bà Ph không có cơ sở pháp lý chấp nhận.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Ph và quan điểm tranh luận của Luật sư Ph, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc bác nội dung kháng cáo của bà Ph và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà Ph phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị Ph.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92; Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1 Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thu H về việc đòi nợ đối với vợ chồng ông Đặng Thanh H, bà Huỳnh Thị Ph.

2. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Ph và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Thanh H là chị Đặng Ngọc M, cháu Đặng Ngọc X và cháu Đặng Huỳnh H (trong đó cháu X, cháu H do bà Ph đại diện theo pháp luật) phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Châu Thu H số tiền 6.807.108.000đ (sáu tỷ tám trăm lẻ bảy triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng). Riêng chị M, cháu X, cháu H chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do ông Đặng Thanh H để lại mà mình được nhận.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2021/QĐ-BPKCTT ngày 02/7/2021 và Quyết định số 02/2022/QĐ-BPKCTT ngày 10/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện G về áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ để đảm bảo thi hành án.

Bà H được nhận lại số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hà Tiên (Phòng giao dịch huyện G) số tiền 200.000.000 đồng (chứng từ giao dịch ngày 02/7/2021) và số tiền 288.000.000 đồng (chứng từ giao dịch ngày 09/8/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thị Ph phải chịu chi phí giám định số tiền 2.850.000 đồng và số tiền chi phí giám định tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, phía bà Ph đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Huỳnh Thị Ph và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đặng Thanh H là chị Đặng Ngọc M, cháu Đặng Ngọc X và cháu Đặng Huỳnh H phải chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 114.807.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu tám trăm lẻ bảy nghìn đồng). Riêng chị M, cháu X,

cháu H chỉ chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp tiền án phí trong phạm vi di sản do ông Đặng Thanh H để lại mà mình được nhận.

Nguyên đơn bà H không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 55.600.000 đồng theo biên lai thu số 0009896 ngày 17/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ph phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Ph đã nộp theo biên lai thu số 0002682 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện G;
- CCTHA dân sự huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Lâm Sơn